

Bản án: 09/2019/HNGĐ-ST

Ngày 15/03/2019

V/v “*Tranh chấp ly hôn,
về nuôi con chung*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm cả
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa:** Bà Nguyễn Thị Chuyên
Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Hoàng Nam

Ông Huỳnh Văn Thái

- Thư ký phiên Tòa: Bà Huỳnh Thị Phượng là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng: Không tham gia phiên Tòa.

Trong ngày 15 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 02/2019/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 01 năm 2019 vụ tranh chấp “Ly hôn, về nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 12/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 07 tháng 3 năm 2019, giữa :

1. **Nguyên đơn:** Anh Trần Văn Ú, sinh năm: 1980; Địa chỉ: ấp Ngọc T, xã Ngọc C, huyện G, tỉnh K (có mặt).

2. **Bị đơn:** Chị Võ Kim H, sinh năm: 1985; Địa chỉ: ấp Thạnh N, xã Ngọc C, huyện G, tỉnh K (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/12/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Trần Văn Ú trình bày: Anh và chị H trước khi lấy nhau do hai bên tự tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào ngày 29/9/2004, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc C, huyện G, tỉnh K. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 15 năm, đến ngày mừng 08 Tết (al) năm 2017 vợ xin về nhà cha mẹ ruột chơi rồi từ đó cho đến nay thì không về gia đình anh nữa. Anh có đến gia đình bên vợ tìm hiểu thì được biết vợ anh bỏ đi làm Bình Dương, anh có điện thoại kêu về thì chị H nói anh cứ làm đơn xin ly hôn, chị không về chung sống với anh nữa. Anh vì thương con còn nhỏ cố gắng khuyên nhủ vợ về nhưng chị H không về. Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân không thể tiếp tục duy trì nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 đứa con chung tên Trần Hữu Nh, sinh ngày 01/8/2005 và Trần Như N, sinh ngày 28/6/2007, hiện đang

sống chung với anh, anh Ú yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 25/01/2019 chị Võ Kim H trình bày: Do chị và anh Ú sống không có hạnh phúc, hiện nay chị đã đi làm ăn Bình Dương, nay anh Ú xin ly hôn chị đồng ý ly hôn; Về con chung có 02 đứa, chị đồng ý giao con cho anh Ú tiếp tục nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con. Về tài chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án , kết quả hỏi tại phiên Tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Trần Văn Ú yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp “Ly hôn, về nuôi con chung” giữa anh và chị H. Theo quy định tại khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

Chị Võ Kim H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy việc vắng mặt của chị H không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị Võ Kim H.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân: Anh Trần Văn Ú và chị Võ Kim H trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào ngày 29/9/2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc C, huyện G, tỉnh K nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng đã không tự hòa giải được những mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, chị H bỏ về nhà cha mẹ ruột ở rồi không trở về chung sống với anh Ú kể từ ngày 8/01/2017 cho đến nay. Anh Ú đã điện thoại nhiều lần kêu chị H về nhưng cho H không chịu về sống chung. Nay anh Ú yêu cầu xin ly hôn thì chị cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy hôn nhân của anh chị đã ở tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Xử chấp nhận cho anh Trần Văn Ú được ly hôn với chị Võ Kim H.

{2.2} Về con chung : Anh Ú và chị H xác định có hai người con chung tên Trần Hữu N, sinh ngày 01/8/2005 và Trần Như N, sinh ngày 28/6/2007, hiện đang sống chung với anh Ú, chị H đồng ý giao hai con chung cho anh Ú tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi (trừ trường hợp thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật) anh Ú không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị H có quyền đến thăm nom , chăm sóc , nuôi dưỡng, giáo dục con chung , không ai được cản trở.

{2.3} Về tài sản chung : Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

{2.4} Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm anh Ú phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Ú đã nộp theo biên lai thu tiền số 7374 ngày 04/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Anh Ú đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử chấp nhận cho anh Trần Văn Ú được ly hôn với chị Võ Kim H.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh Ú và chị H; chị H giao hai con chung tên Trần Hữu N, sinh ngày 01/8/2005 và Trần Như N, sinh ngày 28/6/2007 cho anh Ú tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi (trừ trường hợp thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật) anh Ú không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị H có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm anh Ú phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Ú đã nộp theo biên lai thu tiền số 7374 ngày 04/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Anh Ú đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; anh Ú được tính kể ngày tuyên án (15/3/2019). Chị H được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Thi hành án huyện;
- UBND xã;
- Các đ-ơng sự;
- Lưu;

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Chuyên